

Số: 101 /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 26 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của
Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 48/2014/QH13;*

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật số 118/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật
có liên quan đến an ninh, trật tự;*

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi
Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng
7 năm 2007 về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung
bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP; số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm
2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; số 80/2014/NĐ-CP ngày 06
tháng 8 năm 2014 về thoát nước và xử lý nước thải; số 23/2016/NĐ-CP ngày 05
tháng 4 năm 2016 về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;
số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 quy định việc quản lý, sử dụng và
khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi*

Nghị định số 99/2026/NĐ-CP; số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 14/2026/NĐ-CP; số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở; số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 quy định về hoạt động vận tải đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 218/2026/NĐ-CP; số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 241/2026/NĐ-CP; số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước; số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội; số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị; số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản; số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới; số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 quy định chi tiết một số

điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Thông tư: số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô; số 08/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2025/TT-BXD; số 40/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác; số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2026/TT-BXD; số 28/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; số 39/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; số 41/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; Ban Quản lý Khu kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phân cấp

1. Việc phân cấp phải bảo đảm tuân thủ Hiến pháp, Luật Tổ chức chính

quyền địa phương, pháp luật chuyên ngành và các quy định của pháp luật có liên quan; chỉ thực hiện đối với nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh được pháp luật cho phép phân cấp và không thuộc trường hợp pháp luật quy định không được phân cấp.

2. Việc phân cấp phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được phân cấp và bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

3. Việc phân cấp phải bảo đảm công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt, kịp thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

4. Việc phân cấp phải xác định rõ phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan được phân cấp; bảo đảm các điều kiện cần thiết về nguồn nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện khác để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp theo quy định.

Điều 4. Phân cấp cho Sở Xây dựng thực hiện các nhiệm vụ sau

1. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng

a) Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

b) Cấp giấy phép hoạt động xây dựng (bao gồm cả giấy phép điều chỉnh) cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

2. Lĩnh vực đăng kiểm

a) Cử người tham dự tập huấn nghiệp vụ quản lý hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 89/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

b) Gửi bản giấy hoặc dữ liệu điện tử kết quả thực hiện việc quản lý nhà nước đối với hoạt động kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy tại địa phương về Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 22 Nghị định số 89/2026/NĐ-CP.

c) Chỉ định cơ sở đăng kiểm tiếp nhận hồ sơ lưu trữ liên quan đến: kiểm định, chứng nhận cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy của cơ sở đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 89/2026/NĐ-CP.

3. Lĩnh vực vận tải

a) Quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ được bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

b) Tổ chức thực hiện việc đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ công ích đối với tuyến xe buýt được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước trong danh mục mạng lưới tuyến đã công bố theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật về giá theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 5 Nghị định số 158/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 218/2026/NĐ-CP.

c) Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật cho các tổ chức, cá nhân đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh trên địa bàn địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ.

4. Lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa

a) Quản lý đường gom, đường bên tách khỏi quốc lộ theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 8 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

b) Quyết định các số tự nhiên, chữ cái (nếu có) để đặt số hiệu đường xã, đường đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

c) Quy định việc sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào việc trồng, giữ phương tiện tham gia giao thông và các trường hợp cần thiết khác đối với quốc lộ được phân cấp, đường tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 10 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

d) Chấp thuận vị trí đầu nối vào quốc lộ đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

đ) Quyết định vị trí xây dựng, lắp đặt công trình kiểm soát tải trọng xe trên quốc lộ được phân cấp, đường tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

e) Cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

g) Báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ trước ngày 10 tháng 6 và trước ngày 10 tháng 12 hằng năm về tình hình đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ là quốc lộ được phân cấp theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

h) Quyết định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

i) Quyết định công bố mở luồng đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư số 21/2026/TT-BXD.

k) Quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính tỉnh trong trường hợp không bảo đảm an toàn khai thác vận tải theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 12 Thông tư số 21/2026/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 54/2026/TT-BXD.

l) Quyết định công bố đóng luồng đường thủy nội địa trong địa giới hành chính tỉnh trong trường hợp không còn nhu cầu khai thác, sử dụng theo quy định tại điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 12 Thông tư số 21/2026/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 3 Thông tư số 54/2026/TT-BXD.

m) Quyết định hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.

n) Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương đối với tuyến, đoạn tuyến do Sở Xây dựng được giao quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 93 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

o) Chấp thuận cho doanh nghiệp khai thác cảng chịu trách nhiệm nạo vét duy tu hằng năm đối với tuyến luồng chỉ phục vụ cho một nhà đầu tư cảng thuộc phạm vi do Sở Xây dựng được giao quản lý, bảo đảm chuẩn tắc, thông số kỹ thuật luồng được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

p) Tổ chức, quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa trên địa bàn quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 28/2026/TT-BXD ngày 10 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

q) Tổ chức công bố hồ sơ thiết kế phương tiện đóng theo mẫu và sao thiết kế cho các tổ chức, cá nhân thực hiện đóng mới và đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy định trên cơ sở hồ sơ thiết kế đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng đối với phương tiện thủy nội địa hoạt động vùng SIII trên địa bàn quản lý của địa phương quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 28/2026/TT-BXD.

5. Lĩnh vực kinh tế, vật liệu xây dựng

a) Công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng theo quy định tại điểm a và điểm d khoản 3 Điều 24 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Công bố giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (gồm giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 24 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

c) Công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 và điểm c, điểm d khoản 3 Điều 24 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

d) Công bố suất vốn đầu tư xây dựng, giá bộ phận, đơn vị kết cấu công trình tại địa phương chưa được Bộ Xây dựng công bố hoặc đã được công bố nhưng chưa phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP.

đ) Cấp mới, điều chỉnh, bổ sung, cấp lại, thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; chỉ định, thu hồi quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 41/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

e) Tiếp nhận, quản lý hồ sơ công bố hợp quy; đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng; tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước đối với hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu

theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 41/2026/TT-BXD.

g) Tiếp nhận, xác nhận hoặc từ chối hồ sơ miễn, giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu; thông báo việc dừng áp dụng chế độ miễn, giảm kiểm tra theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 41/2026/TT-BXD.

6. Lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản

a) Công bố công khai thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên phạm vi địa phương theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15.

b) Xác định khu vực chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở phải xây dựng nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

c) Chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở không thuộc tài sản công được đầu tư xây dựng theo dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 124 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 5 Điều 5 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng và tại điểm b khoản 1 Điều 50 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở.

d) Chấp thuận chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở không thuộc tài sản công không được đầu tư xây dựng theo dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 124 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 5 Điều 5 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP và tại điểm b khoản 2 Điều 50 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

đ) Quyết định tỷ lệ chất lượng còn lại của nhà ở cũ thuộc tài sản công trong trường hợp không xác định được tỷ lệ chất lượng còn lại theo quy định tại khoản 4 Điều 71 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP được bổ sung tại Điều 22 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

e) Quyết định công bố thông tin dự án nhà ở xã hội thí điểm trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh để kêu gọi nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 192/2025/NĐ-CP.

7. Lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định tại khoản 1 Điều 31, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Phân cấp cho Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế các nhiệm vụ về lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Phối hợp cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu hoạt động xây dựng với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

2. Tổ chức thu thập, số hóa, tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Hệ thống; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 15 Thông tư số 39/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung chi tiết trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

3. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng Hệ thống theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 15 Thông tư số 39/2026/TT-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ sau

1. Lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn

a) Chấp thuận tổng mặt bằng công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa đối với công trình có phạm vi sử dụng đất nằm hoàn toàn trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại khoản 15 Điều 55 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

b) Chấp thuận vị trí, ranh giới sử dụng đất, phương án tuyến hoặc mặt bằng tổng thể của dự án đầu tư xây dựng ở khu vực không yêu cầu lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch chi tiết ngành theo pháp luật về quy hoạch, đối với dự án có phạm vi nằm hoàn toàn trên địa bàn hành chính do mình quản lý, theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

c) Chấp thuận địa điểm, quy mô và thời gian tồn tại của công trình sử dụng cho việc tổ chức các sự kiện trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

2. Lĩnh vực quản lý hoạt động xây dựng

a) Quản lý trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn

cấp, cấp bách và công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15.

b) Tiếp nhận thông báo khởi công xây dựng theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP đối với công trình thuộc trường hợp phải gửi thông báo khởi công quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 trên địa bàn hành chính do mình quản lý.

c) Tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 41 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

d) Tổ chức thực hiện giám định xây dựng đối với công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

đ) Chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 46 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

e) Tổ chức giám định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

g) Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 42 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

h) Xem xét, cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng công trình thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 43 và khoản 5 Điều 51 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

3. Lĩnh vực quản lý vận tải, kết cấu hạ tầng giao thông

a) Tổ chức lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 72/2025/TT-BXD.

b) Đặt tên, số hiệu đường xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 8 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 4 Nghị định số 241/2026/NĐ-CP.

c) Quyết định vị trí xây dựng, lắp đặt công trình kiểm soát tải trọng xe trên đường đô thị, đường xã, đường thôn thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 39 Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.

d) Cập nhật, điều chỉnh các thông tin trong cơ sở dữ liệu đường bộ thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 8 Điều 60 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP.

đ) Tổ chức quản lý đối với sông, kênh, hồ, đầm, phá trên địa bàn chưa được đầu tư xây dựng, công bố mở luồng mà có hoạt động vận tải nhằm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo quy định tại khoản 2 Điều 45 Thông tư số 21/2026/TT-BXD.

e) Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, vùng nước chưa được tổ chức quản lý nhưng có hoạt động vận tải trên địa bàn địa phương (không bao gồm các công trình, hoạt động trên đường thủy nội địa địa phương thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Xây dựng) theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 38 Thông tư số 21/2026/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa.

g) Tổ chức giải tỏa các bến tập kết, xếp dỡ hàng hóa không đủ điều kiện để công bố mở và các công trình, nhà hàng nổi, khách sạn nổi hoạt động trái quy định trên địa bàn theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Thông tư số 21/2026/TT-BXD.

h) Tổ chức cảnh báo tại khu vực nguy hiểm đối với hoạt động của phương tiện ngoài phạm vi luồng và vùng nước chưa được tổ chức quản lý, khai thác giao thông vận tải trên địa bàn theo quy định tại Điều 101a Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được bổ sung tại khoản 25 Điều 1 Luật số 48/2014/QH13.

i) Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ trên địa bàn, bao gồm các khu vực, địa điểm do tổ chức, cá nhân đề xuất và khu vực, địa điểm thuộc đất do Nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 91 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

k) Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương đối với tuyến, đoạn tuyến do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý trên địa bàn theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 93 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP.

l) Chấp thuận cho doanh nghiệp khai thác cảng chịu trách nhiệm nạo vét duy tu hằng năm đối với tuyến luồng chỉ phục vụ cho một nhà đầu tư cảng thuộc phạm vi do Ủy ban nhân dân cấp xã được giao quản lý trên địa bàn, bảo đảm

chuẩn tắc, thông số kỹ thuật luồng được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

4. Lĩnh vực quản lý hạ tầng cây xanh

a) Tổ chức rà soát và ban hành danh mục cây xanh cần bảo tồn trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 25 và khoản 2 Điều 45 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.

b) Phê duyệt đề án phát triển công viên, cây xanh, mặt nước đô thị trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

c) Phê duyệt quy trình quản lý, vận hành công viên trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP.

5. Lĩnh vực đánh số nhà và công trình xây dựng

Quyết định phương án đánh số và gắn biển số nhà trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 23 Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2025/TT-BXD.

6. Lĩnh vực quản lý nhà ở, gồm các nhiệm vụ sau:

a) Quyết định đối tượng được thuê nhà ở công vụ (trừ đối tượng thuê nhà ở thuộc công trình nhà ở công vụ tỉnh Lai Châu) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

b) Quyết định đối tượng được thuê, thuê mua, mua nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang thuộc tài sản công của địa phương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

c) Quyết định đối tượng được bố trí nhà ở phục vụ tái định cư thuộc tài sản công theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

d) Quyết định đối tượng được thuê, chuyển quyền thuê, mua nhà ở thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 và điểm a khoản 1 Điều 15

Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

đ) Lựa chọn đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc tài sản công của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

e) Lựa chọn đơn vị bảo trì nhà ở thuộc tài sản công của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

g) Quyết định bảo trì, cải tạo nhà ở thuộc tài sản công của địa phương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

h) Quyết định phá dỡ, xây dựng lại nhà ở thuộc tài sản công của địa phương theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

i) Phê duyệt phương án di dời, cưỡng chế di dời, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chỗ ở tạm thời đối với nhà ở thuộc tài sản công theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

k) Ban hành hoặc quyết định giá thuê, giá thuê mua, giá bán nhà ở thuộc tài sản công địa phương theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

l) Quyết định miễn, giảm tiền thuê, tiền mua nhà ở thuộc tài sản công địa phương theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

m) Quyết định chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công theo thẩm quyền quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Điều 50 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

n) Quyết định việc sử dụng kinh phí thu được từ hoạt động kinh doanh đối với phần diện tích dùng để kinh doanh dịch vụ trong nhà ở phục vụ tái định cư nhằm hỗ trợ kinh phí bảo trì và công tác quản lý, vận hành nhà ở này theo quy

định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

o) Ban hành quyết định thu hồi nhà ở thuộc tài sản công theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

p) Ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; khoản 2 Điều 9 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 39 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP.

q) Giải quyết tranh chấp về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc tài sản công của địa phương trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 194 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

r) Bố trí quỹ đất, lập dự án di dời, bố trí chỗ ở mới phục vụ giãn dân nhằm bảo tồn nhà ở có giá trị nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa, lịch sử trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 122 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; không bao gồm việc quyết định hỗ trợ kinh phí di dời thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

s) Quyết định bán nhà ở cũ thuộc tài sản công do mình được giao quản lý theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP.

t) Ban hành quyết định di dời khẩn cấp đối với nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ nằm hoàn toàn trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 73 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

u) Ban hành quyết định cưỡng chế di dời trong trường hợp quá thời hạn nhưng chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư không thực hiện việc di dời đối với nhà chung cư thuộc trường hợp phải phá dỡ nằm hoàn toàn trên địa bàn hành chính do mình quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật Nhà ở số 27/2023/QH15.

7. Lĩnh vực phát triển đô thị

a) Phê duyệt báo cáo đề xuất xây dựng kế hoạch phát triển đô thị đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị.

b) Phê duyệt kế hoạch phát triển đô thị; phê duyệt điều chỉnh kế hoạch phát triển đô thị đối với các trường hợp thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 7 và khoản 4, khoản 6 Điều 8 Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

c) Lập kế hoạch phát triển đô thị đối với các đô thị trên địa bàn do mình quản lý được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và điểm b khoản 4 Điều 24 Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

8. Lĩnh vực quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị

Quyết định cho tổ chức, cá nhân trong nước sử dụng đất để xây dựng công trình ngầm đô thị trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị.

9. Lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải

Quyết định các hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ đầu nối vào hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

10. Lĩnh vực sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch

Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 01 đơn vị hành chính cấp xã theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 29 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 98/2019/NĐ-CP.

11. Lĩnh vực nghĩa trang (trừ nghĩa trang liệt sĩ) và cơ sở hỏa táng

Tổ chức lựa chọn chủ đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn do mình quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

c) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp.

d) Chủ trì rà soát, tham mưu công bố, công khai thủ tục hành chính; điều chỉnh quy trình nội bộ và cấu hình cơ quan giải quyết trên Hệ thống thông tin

giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với nhiệm vụ được phân cấp (nếu có).

2. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 5 Quyết định này thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

b) Tổ chức thu thập, số hóa, tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa và quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, kịp thời và chịu trách nhiệm về dữ liệu do đơn vị cung cấp.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Quyết định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân cấp.

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định tại Điều 8 Quyết định này.

4. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế và Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm chủ động bố trí, sử dụng nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, tài khoản hệ thống và các điều kiện cần thiết trong phạm vi nguồn lực được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện nhiệm vụ được phân cấp. Trường hợp điều kiện thực hiện chưa bảo đảm, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, bố trí, điều chỉnh theo quy định.

5. Trường hợp nhiệm vụ vượt quá khả năng chuyên môn, liên quan từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên hoặc có tính chất phức tạp, Ủy ban nhân dân cấp xã kịp thời báo cáo Sở Xây dựng để hướng dẫn, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

Điều 8. Chế độ báo cáo

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Xây dựng định kỳ 06 tháng, hằng năm về tình hình thực hiện Quyết định này; gửi báo cáo trước ngày 01 tháng 6 đối với báo cáo 06 tháng và trước ngày 01 tháng 12 đối với báo cáo năm; thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Xây dựng tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Xây dựng định kỳ, đột xuất theo quy định hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2026.

2. Bãi bỏ các quy định sau đây:

a) Quyết định số 71/2025/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu quy định thẩm quyền thu hồi, thanh lý, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Khoản 1 Điều 1, Điều 3, Điều 6 và Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành quy định về phân cấp cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Điều 7 của Quyết định số 102/2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phân cấp trong quản lý nhà nước đối với một số nội dung thuộc lĩnh vực kiến trúc, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật, hoạt động xây dựng.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật quy định nhiệm vụ phân cấp được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, dẫn đến có điều chỉnh về tên nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm thì thực hiện theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Cơ quan Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, C, TT-HN;
- Lưu: VT, KTN Hoàng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sỹ Cảnh